TOÀ ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ K
TỈNH K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 145/2020/HS-ST.
Ngày: 21/12/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN T PHỐ K - TỈNH K

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Phúc và bà Nguyễn Thị Sương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị H Anh – Thư ký Tòa án nhân dân T phố K.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố K tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2020/ QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đặng H C, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1983 tại K; Nơi cư trú: Thôn Thanh Trung, phường Ngô Mây, T phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Ngọc Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1963; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1983 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2007. Tiền án: 01; Tiền sự: Không.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của TAND T phố K xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 19/3/2020, bị cáo chấp Hnh xong hình phạt tù. (Chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2020 đến ngày 29/5/2020, được thay thế biện pháp ngăn chặn T "bảo lĩnh". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Văn T**, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1997 tại K; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đắk La, huyện Đắk H, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H, sinh năm 1976 và bà Phan Hoàng Thụy Hồng Ng, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Anh Trần Lê S, sinh năm 1983, Địa chỉ: Thôn 1, xã Đắk Cấm, T phố K,

tỉnh K vắng mặt;

2/ Anh A Wen Ph, sinh năm 1993, Địa chỉ: Thôn Plei Trum Đắk Choah, phường Ngô Mây, T phố K, tỉnh K, vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1976, Địa chỉ: Thôn 2, xã Đắk La, huyện Đắk H, tỉnh K, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 15/5/2020, bị cáo Đặng H C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Lisohaka màu tím, biển số 82H1-5580 đi trên đường tránh T phố K để tìm việc làm. Khi đi đến thôn 2, xã Đắk Cấm, T phố K, tỉnh K, thấy trong rẫy của anh Trần Lê S có 01 đầu máy bơm nước Văn Thể VT-3 không có người trông coi, nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo liền gọi điện thoại cho bị cáo Trần Văn T hỏi có ai mua đầu máy không, T trả lời biết. Sau đó bị cáo C đi bộ đến chỗ để máy bơm, thấy máy bơm có bắt vít nên bị cáo đi ra xe mô tô lấy 01 cái kìm, 01 cà lê rồi quay lại chỗ máy bơm dùng kìm, cờ lê tháo 01 đầu máy bơm, bê ra xe mô tô chở đi cất giấu tại rẫy cao su thuộc thôn Plei Trum Đắk Chõah, phường Ngô Mây, T phố K. Bị cáo nhìn xung quanh thấy 01 đầu máy bơm nước Văn Thể VT-6 của anh A Wen Ph, không có người trông coi, nên dùng cờ lê mở lấy đầu máy bơm bỏ lên gác ba ga của xe mô tô BKS 82H2-5580 điều khiển đi ra Quốc lộ 14 hướng xã Đắk La, huyện Đắk H. Trên đường đi, bị cáo bỏ 02 đầu máy bơm vào 01 bao nhựa màu vàng nhặt trên đường rồi bỏ trên gác ba ga xe mô tô chở đi. Bị cáo C vừa điều khiển xe mô tô, vừa gọi điện thoại cho bị cáo T và nói: "Giờ tao chở đầu máy bơm lên chỗ mày, mày dẫn tao đi bán". Bị cáo T đồng ý và hẹn gặp tại ngã ba thôn 2, xã Đắk La, huyện Đắk H, tỉnh K. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo C điều khiển xe mô tô BKS 82H1-5580 đến điểm hẹn đã thấy bị cáo T đứng đợi. Bị cáo T gửi xe mô tô BKS 82K7-4330 tại quán nước và ngồi sau xe của bị cáo C cùng chở 02 đầu máy bơm đi bán, đi theo hướng thị trấn Đắk H được khoảng 800 mét thì bị cơ quan Công an xã Đắk La, huyện Đắk H, tỉnh K phát hiện và thu giữ tang vật.

Kết luận định giá tài sản, kết luận: 01 đầu máy bơm Văn Thể VT-6 giá trị là 2.204.320 đồng; 01 đầu máy bơm Văn Thể VT-3 giá trị là 1.516.800 đồng. Tổng cộng là 3.721.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 130/CT-VKSTPKT ngày 16/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Đặng H C về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 BLHS; truy tố bị cáo Trần Văn T về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo C phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 BLHS; tuyên bố bị cáo T phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo C từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; các điều 15, 36, 57 của BLHS, xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo C T khẩn khai nhận Hnh vi của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an T phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân T phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về Hnh vi, quyết định của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Do đó, các Hnh vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Bị cáo T có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do đang điều trị bệnh; người bị hại anh A Wen Ph và anh Trần Lê S đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290; khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến Hnh xét xử vụ án vắng mặt bị cáo T và bị hại A Wen Ph và anh Trần Lê S.

Về nội dung:

[1] Trên cơ sở lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liêu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định Hnh vi của các bị cáo như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 15/5/2020, bị cáo Đặng H C đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Trần Lê S và anh A Wen Ph, để hai lần thực hiện Hnh vi lén lút chiếm đoạt của anh A Wen Ph 01 đầu máy bơm hiệu Văn Thể VT-6 trị giá 2.204.320 đồng và chiếm đoạt của anh S 01 đầu máy bơm nước Văn Thể VT-3 trị giá 1.516.800 đồng. Bị cáo C đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích, nên Hnh vi chiếm đoạt 01 đầu máy bơm nước Văn Thể VT-3 trị giá 1.516.800 đồng đủ yếu tố cấu T tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của BLHS. Do đó, VKS truy tố bị cáo về hai lần phạm tội là đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Trần Văn T mặc dù không hứa hẹn trước, nhưng đã biết tài sản là do bị cáo C trộm cắp mà có và đồng ý cùng bị cáo C chở 02 đầu máy bơm đi bán, nhằm mục đích được C cho tiền tiêu xài cá nhân; Hnh vi của bị cáo T là

cố ý thực hiện tội phạm, mặc dù không thực hiện được Hnh vi đến cùng, chưa bán được tài sản là ngoài ý muốn của bị cáo, nên Hnh vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp "Phạm tội chưa đạt" quy định tại Điều 15 của BLHS.

Từ nhận định và căn cứ pháp luật nêu trên có cơ sở khẳng định Hnh vi của bị cáo Đặng H C đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Hnh vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Do đó, Viện kiểm sát truy tố đối với hai bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ Hnh vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy: Hnh vi của bị cáo C đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác; Hnh vi của bị cáo T đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự quản lý NH nước đối với tài sản do phạm tội mà có. Hnh vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội trên địa bàn T phố K.

[3] *Tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo C phạm tội 02 lần và đã bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, nên bị áp dụng 02 tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự đó là "Phạm tội 02 lần trở lên" và "*Tái phạm*" quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Hai bị cáo đều T khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản đã thu hồi trả lại người bị hại. Riêng bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, h, s khoản 1 Điều 51của BLHS,

[5] *Về nhân thân*: Bị cáo C đã có tiền án, chưa được xóa án tích lại phạm tội mới nên có nhân thân xấu. Bị cáo Trần Văn T không có tiền án, tiền sự.

[6] Từ những nhận định nêu trên và căn cứ vào các quy định pháp luật, HĐXX xét thấy phải xử phạt hai bị cáo mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả của Hnh vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; cần thiết phải cách ly bị cáo C với đời sống xã hội một thời gian, đủ để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp "Phạm tội chưa đạt" nên áp dụng Điều 57 của BLHS khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo; ngoài ra bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó HĐXX áp dụng Điều 36 BLHS cho bị cáo T được cải tạo bên ngoài xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Gia đình bị cáo đang gặp khó khăn về kinh tế, cha bị cáo mới đi mổ sọ não và đang điều trị, bị cáo cũng đang điều trị bệnh tại bệnh viện, nên miễn khấu trừ thu nhập đối vơi bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ Các vật chứng gồm: 01 xe mô tô màu tím đỏ, nhãn hiệu Lisohaka, số máy VLKCQ1P50FMG/*000131445* (số máy đã bị đục xóa), số khung VLKDC6035LK*131455* và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen là tài sản của bị cáo Đặng H C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đồng là

tài sản của bị cáo Trần Văn T, hai bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, do đó tịch thu sung công quỹ NH nước.

+ 01 cái kìm tay cầm bọc nhựa màu đỏ; 01 bao nhựa màu vàng và 01 cờ lê có chữ DIAMONO là tài sản của bị cáo Đặng H C dùng làm phương tiện phạm tội, các tài sản này đã cũ không còn giá trị, nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 biển kiểm soát 82H1-5580 có nguồn gốc hợp pháp, trước đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh A Bưh, thôn 1, xã Đăk Tơ Lung, huyện Kon Rẫy, sau đó anh A Bưh đã bán cho một chủ sở hữu khác không rõ địa chỉ. Cơ quan điều tra đã tiến Hnh xác minh nhưng chưa tìm được chủ sở hữu, nên tạm giao biển kiểm soát 82H1-5580 này cho Cơ quan điều tra quản lý, khi nào tìm được chủ sở hữu sẽ xử lý sau.

+ Cơ quan CSĐT – Công an T phố K đã trả lại các tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp, gồm: Trả 01 xe mô tô BKS 82K7-4330 cho ông Trần Văn H; trả 01 đầu máy bơm Văn Thể VT-3 cho anh Trần Lê S; 01 đầu máy bơm Văn Thế VT-6 cho anh A Wen Ph; trả 01 mỏ lết, 01 tu vít và 01 cờ lê cho bị cáo C. Việc trả lại các tài sản này là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Lê S, anh A Wen Ph và người liên quan ông Trần Văn H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo C và T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Đặng H C** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Đặng H C: **12 (Mười hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi Hnh án, được trừ thời gian đã bị tạm giam (từ ngày 18/5/2020 đến ngày 29/5/2020).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323, các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; các điều 15, 36 và điều 57 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T** phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T: **09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày chính quyền địa phương được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi Hnh án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đắk La, huyện Đắk H, tỉnh K giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Văn T.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm c, a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung vào công quỹ NH nước: 01 xe mô tô màu tím đỏ, nhãn

hiệu Lisohaka, số máy VLKCQ1P50FMG/*000131445* (số máy đã bị đục xóa), số khung VLKDC6035LK*131455*; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 kìm có tay cầm bọc nhựa màu đỏ; 01 bao nhựa màu vàng và 01 cờ lê có chữ DIAMONO.

+ Tạm giao: 01 biển kiểm soát 82H1-5580 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T phố K, tỉnh K quản lý, khi nào tìm được chủ sở hữu sẽ xử lý sau.

Tất cả các tài sản nêu trên đều có đặc điểm như trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/10/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T phố K và Chi cục Thi Hnh án dân sự T phố K.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội.

Các bị cáo Đặng H C và Trần Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/12/2020); Bị cáo T, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND Tp. KonTum;
- Công an Tp. KonTum;
- Chi cục THADS Tp. KonTum;
- Bị cáo; bị hại và các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã Ký)

Nguyễn Xuân Hoài